

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN NTH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN NTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110460264

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 41 Ngõ 139 Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982345308

Fax:

Email: [nth.ltd68@gmail.com](mailto:nth.ltd68@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                 | 4659        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                          | 6209        |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Loại trừ: Hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                       | 6820        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Loại trừ: Tư vấn về thuế, kế toán, pháp luật                                                                                                                                                 | 7020(Chính) |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Dịch vụ kiến trúc                                                                                                                                       | 7110        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác | 7410        |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                    | 4711        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                                                                                                                               | 4719 |
| 14. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                             | 1392 |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                   | 1420 |
| 17. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                               | 1430 |
| 18. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                 | 1520 |
| 19. | In ấn<br>Loại trừ: Các hoạt động nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                      | 1811 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                    | 4781 |
| 22. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                           | 4782 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                 | 4783 |
| 24. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                | 4785 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                                           | 4932 |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                          | 5510 |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác.<br>Loại trừ: Hoạt động kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường | 5610 |
| 29. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Loại trừ: Hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm                                                                                                                     | 7810 |
| 30. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                              | 8211 |
| 31. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Photo, chuẩn bị tài liệu;<br>- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.                                                                                                | 8219 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                  | 4101 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299 |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Loại trừ: Dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741 |
| 37. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4751 |
| 38. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 40. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4761 |
| 41. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4762 |
| 42. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763 |
| 43. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4764 |
| 44. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |



